

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/4/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quản Thế Nhân.

Ông Nguyễn Ngọc Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1079/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị Hồng T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện Lm, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: ấp A xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Thành Đ**, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thành Đ tự nguyện chung sống, xây dựng gia đình, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 01/9/2009.

Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Đ là không hợp, không đồng ý kiến trong cuộc sống, anh Đ mê ăn chơi không lo làm phụ vợ con. Từ khi phát sinh mâu thuẫn chị sống ở nhà mẹ ruột còn anh thì sống ở Sài Gòn cho

đến khi con gái 6 tuổi thì anh Đ hứa sẽ làm lại từ đầu. Chị và anh Đ chung sống với nhau tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, được mấy tháng thì anh Đ lại tiếp tục lo ăn chơi, cá độ bóng đá, anh đối xử tệ với chị còn đem xe chị đi làm để đi bán. Chị và anh Đ tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chị không còn chung sống với anh Đ từ năm 2020 và không còn quan tâm đến anh Đ.

Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có một con chung tên Trần Tuyết Q, sinh ngày: 29/11/2009.

Hiện nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có.

Ý kiến của cháu Trần Tuyết Q: Cháu Q là con chung của chị Tạ Thị Hồng T và anh Trần Thành Đ có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Tạ Thị Hồng T.

Bị đơn anh Trần Thành Đ: đã được tòa án triệu tập họp lệ theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị T. Xử cho chị T được ly hôn với anh Trần Thành Đ.

Về con chung: Cháu Trần Tuyết Q, sinh ngày: 29/11/2009 đề nghị tòa án giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu Q.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh Đ vắng mặt không có ý kiến, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Tạ Thị Hồng T và anh Trần Thành Đ là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T. Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ, niêm yết tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình tố tụng và khi xét xử nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01, ngày 01/9/2009 do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình sống chung anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ cho thấy mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Chị T cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Đ là không hợp, không đồng ý kiến trong cuộc sống. Chị T và anh Đ đã không còn chung sống với nhau và chị T không còn quan tâm đến anh Đ. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ. Tòa án tố tụng nhiều lần mời anh Đ nhưng anh Đ vẫn không có mặt tại tòa án thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị T. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, chị T xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở chấp nhận

[2]. Về con chung: Cháu Trần Tuyết Q, sinh ngày: 29/11/2009. Hiện nay đang sống với chị T. Chị T xin nuôi con nhưng anh Đ không có ý kiến tranh chấp nuôi con. Đồng thời, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ là chị T. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, anh Đ vắng mặt không có ý kiến, nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Chị T trình bày không có, anh Đ vắng mặt không có ý kiến, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Tạ Thị Hồng T. Xử cho chị Tạ Thị Hồng T được ly hôn với anh Trần Thành Đ.

Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Tuyết Q, sinh ngày 29/11/2009. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai số 0005198 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**